

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HC-ST

Ngày 17 - 01 - 2024

*“V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Tuyên, bà H’ Rum Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 129/2023/TLHC-ST ngày 09/10/2023, về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2023/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: số H, thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Đã chết ngày 15/12/2023 theo Trích lục khai tử số 405/TLKT-BS ngày 21/12/2023 của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn Đ:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Địa chỉ: số H, thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vợ ông Bùi Văn Đ).

- Bà Bùi Thị Như H, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (con ông Bùi Văn Đ).

- Ông Bùi Ngọc Á, sinh năm 1986. Địa chỉ: số H, thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (con ông Bùi Văn Đ).

- Bà Bùi Thị Như H1, sinh năm 1995. Địa chỉ: số H, thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (con ông Bùi Văn Đ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C, bà Bùi Thị Như H, Ông Bùi Ngọc Á, bà Bùi Thị Như H1: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư thuộc

Văn phòng L1. Địa chỉ: C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: số C L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T1 – Phó chủ tịch UBND huyện E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện E:

+ Bà Trần Thị Kim L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E;

+ Ông Lê Phạm B – Quyền giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E;

+ Ông Đinh Tiến D – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Địa chỉ: số H, thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: Ông Y A Tôn N sinh năm 1994. Địa chỉ: C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: Luật sư Nguyễn Tiến T – thuộc Văn phòng L1. Địa chỉ: C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1979, bà Vũ Thị N1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Những người tham gia tố tụng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, ông Bùi Văn Đ trình bày:**

Ngày 11/7/2006, gia đình ông Bùi Văn Đ được UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153, số vào sổ: H 9866, thửa đất 11, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở, 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do gia đình ông Bùi Văn Đ được nhà nước cấp giấy chứng nhận năm 1994, sau đó gia đình ông Bùi Văn Đ khai hoang thêm, sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Mới đây, ông Bùi Văn Đ được biết thông tin thực tế thửa đất gia đình ông Bùi Văn Đ đang sử dụng là thửa đất 177, tờ bản đồ số 110, diện tích 3.773,7m² và một phần diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn Đ đã được UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391, số vào sổ: H

9806 ngày 11/7/2006 cho hộ ông Đỗ Văn P1, bà Vũ Thị N1, thửa đất 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m², trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm.

Còn thửa đất 11, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.810m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153, số vào sổ: H 9866 do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho gia đình ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 thực tế lại là thửa đất của gia đình ông Trần Hữu C1 sử dụng và đã được UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/1994. Sau đó, hộ ông Bùi Công B1 đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Trần Hữu C1 và đã được UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2000.

Như vậy, thửa đất của gia đình ông Bùi Văn Đ và thửa đất của gia đình ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 đã được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng diện tích, vị trí thửa đất, đối tượng sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Bùi Văn Đ. Ủy ban nhân dân xã E, huyện E cũng đã tiến hành hòa giải giữa gia đình ông Bùi Văn Đ với gia đình ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 để tìm hướng giải quyết phù hợp. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được với nhau.

Vì vậy, ông Bùi Văn Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk;

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m², trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*** Những thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn Đ bà Nguyễn Thị C, bà Bùi Thị Như H, Ông Bùi Ngọc Á, bà Bùi Thị Như H1 trình bày:** thống nhất với nội dung trình bày của ông Bùi Văn Đ. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Ngô Văn T1 trình bày:**

Qua kết quả kiểm tra thực địa của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện thì:

- Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 xã E, diện tích 1.500 m (trong đó có 400 m³ đất ở + 1.100m² đất điều) hiện do ông Đinh Công B2 trú tại thôn C xã E đang sử dụng.

- Thừa đất số 13 tờ bản đồ số 5 xã E diện tích 1740 m² hiện do hộ ông Bùi Văn Đ và hộ bà Bùi Thị Như H1 (con gái ông Đ) sử dụng.

- Không xác định được vị trí thừa đất số 11 tờ bản đồ số 5 xã E, diện tích 2.810 m².

Qua kết quả kiểm tra hồ sơ thể hiện:

- Ngày 12/10/1994, UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hữu C1, sinh năm 1963, địa chỉ thường trú tại thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với thừa đất số 11 tờ bản đồ số 5 xã E, diện tích 1.500 m (trong đó có 400m đất ở + 1.100m² đất điều) theo Quyết định số 109/QĐ-UB ngày 12/10/1994; Ngày 08/10/1999, hộ ông Đinh Công B2, trú tại thôn C, xã E E nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thừa đất số 11 tờ bản đồ số 5, diện tích 1.500 m (trong đó có 400m² đất ở + 1.100m² đất điều) từ hộ ông Trần Hữu C1 và được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Công B2 theo Quyết định số 79/QĐ-UB ngày 05/4/2000.

- Ngày 20/10/2001, hộ ông Bùi Văn Đ, trú tại thôn E xã E, huyện E có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thừa đất số 5, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.810m² (trong đó có 400m² đất ở + 2410 m² đất điều); Ngày 11/7/2006, UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 cho hộ ông Bùi Văn Đ, trú tại thôn E, xã E E, tỉnh Đắk Lắk đối với thừa đất số 11, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.810m² (trong đó có 400m² đất ở + 2.410m² đất điều)

- Ngày 20/9/2001 Ông Đỗ Văn P địa chỉ thôn E xã E có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thừa đất số 13 tờ bản đồ số 5 xã E diện tích 1.740m² (trong đó 400m² đất ở và 1.340 m² đất trồng điều) ngày 11/7/2006 UBND huyện đã cấp giấy CNQSD đất số AI 667153 cho hộ ông Đỗ Văn P và vợ là bà Vũ Thị N1 với diện tích đã đăng ký trên theo Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 11/7/2006.

Do quá trình kê khai đăng ký cấp giấy CNQSD đất có sự nhầm lẫn trong việc xác định vị trí đất ngoài thực địa và bản đồ giải thửa của hộ ông Bùi Văn Đ và hộ ông Ông Đỗ Văn P cùng trú tại thôn E xã E nên giấy CNQSD đất số AI 667153 cho hộ ông Bùi Văn Đ, trú tại thôn E, xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk đối với thừa đất số 11, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.810m² (trong đó có 400m đất ở + 2410 m² đất điều) và giấy CNQSD đất số AI 667153 cấp cho hộ ông Đỗ Văn P và vợ là bà Vũ Thị N1 với diện tích 1740 m không đúng vị trí ngoài thực địa.

Vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Văn Đ thôn E xã E về việc:

- Hủy giấy CNQSD đất số AI 667153 do UBND huyện E cấp cho ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thừa đất số 11 tờ bản đồ số 5 xã E diện tích 2.810m².

- Hủy giấy CNQSD đất số AI 526391 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Đỗ

Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13 tờ bản đồ số 05 xã E diện tích 1.740m².

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 trình bày:**

Năm 2000, ông P bà N1 được gia đình ông Bùi Văn Đ sang nhượng thửa đất với mục đích làm nhà ở ổn định và trồng cây lâu năm. Đến tháng 7 năm 2006, ông P bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Theo Giấy chứng nhận được cấp, tên người sử dụng đất ở phần “Vợ (Chồng)” đề tên “Trần Thị D1” là không đúng nên ngày 12/5/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E đã đính chính thành chủ hộ là ông Đỗ Văn P và bà Vũ Thị N1. Khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông P bà N1 phát hiện thấy sơ đồ thửa đất không đúng với thực trạng đang sử dụng ông P bà N1 đã trình báo với địa chính địa phương.

Thứ nhất: Không đúng vị trí, ông P bà N1 đã được cán bộ địa chính địa phương vào làm việc ráp trích lục sơ đồ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05 của ông P bà N1 nhưng không đúng với thực trạng thửa đất.

Thứ hai: Không đúng với diện tích giữa bìa được cấp và thực trạng thửa đất đang sử dụng. Diện tích thửa đất số 13, tờ bản đồ 05 là diện tích 1.740m², trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm. Nhưng đến tháng 4 năm 2023 ông P bà N1 được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E xác định lại trích lục thửa đất ông P bà N1 đang sử dụng với tổng diện tích là 1292.9m² tại thửa đất 84, tờ bản đồ số 110 Phía Đông giáp đất dự phòng của UBND xã; phía Tây giáp nhà ông Bùi Văn Đ, phía Nam giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp kênh nội đồng.

Ông P bà N1 và gia đình ông Bùi Văn Đ cũng đã nhiều lần kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét để được cấp đổi lại cho đúng thực trạng, nhưng đến ngày hôm nay vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý. Về thực tế, thửa đất của ông P bà N1 và gia đình ông Bùi Văn Đ đã có bờ cõi rõ ràng không có tranh chấp. Ông P bà N1 cho rằng tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền làm công tác đo đạc và xác định để cấp GCNQSD đất cho người dân là có sự nhầm lẫn về thực trạng giữa các thửa đất của người dân.

Ông P bà N1 đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ, để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp đổi lại GCNQSD đất theo đúng thực trạng thửa đất mà ông P bà N1 đang sử dụng.

*** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà :**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham

gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung : Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m, trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ông Bùi Văn Đ khởi kiện yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở, 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m, trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Các đương sự trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì người khởi kiện ông Bùi Văn Đ, người bị kiện UBND huyện E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P, bà N1 đều thừa nhận hiện trạng sử

dụng đất thực tế của các hộ dân không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, cụ thể:

- Hiện tại hộ ông Đ đang quản lý, sử dụng là thửa đất 177, tờ bản đồ số 110, diện tích 3.773,7m² nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.810m².

- Hộ ông P bà N1 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 110, diện tích 1292.9m² nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là thửa đất số 13 tờ bản đồ số 5 xã E, diện tích 1.740m².

- Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.810m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 cho hộ ông Bùi Văn Đ lại do ông Đinh Công B2 đang quản lý, sử dụng và ông B2 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5, diện tích 1.500 m².

Tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013 quy định:

“Điều 106. Đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm đính chính Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Có sai sót thông tin về tên gọi, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân, địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận của người đó;

2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai.”

Do đó, ông Bùi Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391

do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m, trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk do quá trình kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự nhầm lẫn trong việc xác định vị trí đất ngoài thực địa và bản đồ giải thửa của hộ ông Bùi Văn Đ và hộ ông Ông Đỗ Văn P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những lập luận nêu trên, HĐXX nhận thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ về việc: huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m, trong đó 400m² đất ở, 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ được chấp nhận nên UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ;

Áp dụng khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ.

Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 667153 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ ngày 11/7/2006 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.810m², trong đó 400m² đất ở 2.410m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E Tỉnh Đắk Lắk;

Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 526391 do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Đỗ Văn P, bà Vũ Thị N1 ngày 11/7/2006

đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m, trong đó 400m² đất ở 1.340m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Triết